

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22** /2021/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 – 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;  
Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;  
Xét Tờ trình số 4179/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương (sau đây viết tắt là NSDP) áp dụng cho năm ngân sách 2022 năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

2. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là huyện); xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là xã).

2. Cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 3. Dự phòng ngân sách**

Dự phòng NSDP của các cấp ngân sách là 2% tổng chi NSDP.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối NSDP, căn cứ tình hình thực tế, các cấp ngân sách chủ động bố trí dự phòng NSDP bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## **Chương II**

# **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NSDP NĂM 2022**

## **Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên**

1. Việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2022 - 2025 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và của tỉnh; đảm bảo lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định và mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng. Thể hiện tiêu chí ưu tiên phân bổ đối với khối Đảng, cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và một số cơ quan quản lý hành chính nhà nước có hoạt động đặc thù thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

2. Phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính giai đoạn 2022-2025. Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phân đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành



chính cấp huyện, xã, tỉnh giảm biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng Sở, ban, ngành và địa phương.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

6. Ngoài thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định từ khoản 1 đến khoản 5 điều này; cấp huyện, cấp xã tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Định mức phân bổ chi thường xuyên của NSDP được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến 31/8/2021. Từ năm ngân sách 2022, khi Trung ương hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh tăng mức các chính sách an sinh xã hội, chính sách làm tăng chi ngân sách sau thời điểm 31/8/2021, các địa phương sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện; trường hợp còn khó khăn thì ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán NSDP, bao gồm cả dự phòng,... theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của NSDP, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho NSDP.

b) Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước (không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất) và dự toán chi thường xuyên NSDP tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong phạm vi nguyên tắc quy định tại điểm a khoản này và các tiêu chí phân bổ tại Chương II sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi NSDP, Hội đồng nhân dân cấp huyện được chủ động bố trí cơ cấu chi NSDP năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.



c) Tiêu chí làm căn cứ để xây dựng định mức phải đảm bảo rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ áp dụng và kiểm tra trong quá trình thực hiện, góp phần triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; tăng quyền hạn, tính chủ động gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các huyện.

d) Định mức phân bổ được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định, đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành, hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được cấp thẩm quyền ban hành đến thời điểm 31/8/2021, trong đó:

Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo phân bổ đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập không thấp hơn 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục.

Các lĩnh vực sự nghiệp khác xác định trên tiêu chí dân số và các tiêu chí bổ sung tùy theo tính chất đặc thù của từng huyện.

đ) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên dưới đây làm cơ sở xác định tổng chi thường xuyên ngân sách các cấp năm 2022 - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn trực thuộc nhưng đảm bảo không thấp hơn tổng chi thường xuyên của từng cấp theo từng lĩnh vực được phân bổ theo định mức tại Nghị quyết này. Các năm trong giai đoạn sau năm 2022, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ mức phân bổ dự toán chi ngân sách do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, khả năng ngân sách, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ dự toán ngân sách hằng năm cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn trực thuộc; đối với các lĩnh vực được phân bổ theo chỉ tiêu pháp lệnh, phân bổ đảm bảo không thấp hơn mức được giao.

## **Điều 5. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho ngân sách cấp tỉnh**

1. Định mức phân bổ cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội

Quỹ lương: Xác định trên số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: Lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định của biên chế có mặt, biên chế chưa có mặt tính bằng hệ số 2,34/01 biên chế và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định. Trường hợp trong năm có tăng số lượng biên chế có mặt so với đầu năm mà tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của số biên chế tăng thêm đó vượt quá mức lương đã phân bổ cho số biên chế khuyết tương ứng thì được ngân sách bố trí phần kinh phí chênh lệch tăng thêm.



Khoản định mức hoạt động thường xuyên (sau đây viết tắt là HĐTX) theo phương pháp lũy thoái, cụ thể:

| STT | Biên chế               | Định mức                   |
|-----|------------------------|----------------------------|
| 1   | Từ 01 đến 10 biên chế  | 36 triệu đồng/biên chế/năm |
| 2   | Từ 11 đến 20 biên chế  | 33 triệu đồng/biên chế/năm |
| 3   | Từ 21 đến 30 biên chế  | 30 triệu đồng/biên chế/năm |
| 4   | Từ 31 đến 45 biên chế  | 26 triệu đồng/biên chế/năm |
| 5   | Từ 46 biên chế trở lên | 25 triệu đồng/biên chế/năm |

Định mức HĐTX phân bổ trên đã bao gồm: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, sơ kết, tổng kết, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, sửa chữa thường xuyên, mua sắm tài sản có giá trị dưới 15 triệu đồng/kế hoạch mua sắm hàng năm.

Định mức HĐTX phân bổ trên không bao gồm: Chi nhiệm vụ đột xuất do cấp thẩm quyền giao, chi cho nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên, trang phục thanh tra ngành, chi tổ chức đại hội, chi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chi hoạt động của các Ban chỉ đạo được cấp kinh phí cho đơn vị là cơ quan thường trực, chi đoàn ra, đoàn vào (đoàn của tỉnh đi ra nước ngoài hoặc đoàn của nước ngoài vào tỉnh làm việc, đoàn khách Trung ương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đầu mối, học tập kinh nghiệm được giao nhiệm vụ cho cơ quan đầu mối), chi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá giám sát đầu tư, chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (cấp thẩm quyền giao), chi sửa chữa thường xuyên trụ sở, chi mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ công chức theo quy định có giá trị chênh lệch được tính từ 15 triệu đồng trở lên/kế hoạch mua sắm hàng năm.

Ngoài định mức phân bổ trên: Cơ quan quản lý nhà nước có quỹ lương chiếm tỷ lệ lớn hơn 75%, được bù bổ sung kinh phí để đảm bảo quỹ lương chiếm tỷ lệ 75% và chi HĐTX chiếm tỷ lệ 25% (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là BHYT), kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định.

Phân bổ thêm định mức kinh phí cho từng cơ quan đối với các nội dung, như sau:

a) Phân bổ định mức kinh phí đặc thù cho 09 cơ quan có phát sinh nhiệm vụ đặc thù: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bằng 1,7 lần mức chi HĐTX; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh bằng 1,2 lần mức chi HĐTX; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 120 triệu đồng; Sở Giao



thông Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ: 80 triệu đồng; Ban quản lý các khu kinh tế: 50 triệu đồng.

b) Phân bổ kinh phí chi hỗ trợ cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể: lương bằng mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ và các khoản đóng góp theo lương theo quy định. HĐTX bằng 70% định mức phân bổ khoán chi HĐTX của biên chế thấp nhất/01 hợp đồng lao động.

c) Phân bổ định mức kinh phí để mua sắm trang thiết bị và sửa chữa xe ô tô được tính theo số biên chế và theo tiêu chuẩn xe, như sau:

Kinh phí mua sắm trang thiết bị: 12 triệu đồng/cơ quan/năm đối với cơ quan có số biên chế  $\leq 10$  biên chế; 24 triệu đồng/cơ quan/năm đối với cơ quan có số biên chế từ 11 - 20 biên chế; 36 triệu đồng/cơ quan/năm đối với cơ quan có số biên chế từ 21 - 30 biên chế; 48 triệu đồng/cơ quan/năm đối với cơ quan có số biên chế từ 31 - 45 biên chế; 60 triệu đồng/cơ quan/năm đối với cơ quan có số biên chế  $> 45$  biên chế.

Kinh phí sửa chữa xe ô tô: Cơ quan có 01 xe ô tô bố trí 30 triệu đồng/cơ quan/năm; đối với cơ quan có 02 xe bố trí 45 triệu đồng/cơ quan/năm; đối với cơ quan có 03 xe bố trí 60 triệu đồng/cơ quan/năm và đối với cơ quan có 04 xe trở lên bố trí 75 triệu đồng/cơ quan/năm.

Phân bổ thêm định mức kinh phí để mua sắm trang thiết bị và sửa chữa xe ô tô được phân bổ cho từng cơ quan, để bù đắp sung phần chênh lệch trên 15 triệu đồng khi có phát sinh mua sắm trang thiết bị làm việc và sửa chữa xe ô tô theo kế hoạch mua sắm hàng năm.

## 2. Phân bổ đối với các Hội đặc thù

a) Đối với 6 Hội đặc thù có định suất hợp đồng lao động, cụ thể: Liên minh Hợp tác xã tỉnh (15 định suất hợp đồng); Hội Đông y tỉnh (10 định suất hợp đồng); Hội Chữ thập đỏ tỉnh (13 định suất hợp đồng); Hội Văn học nghệ thuật tỉnh (7 định suất hợp đồng); Liên Hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh (6 định suất hợp đồng); Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh (6 định suất hợp đồng), được bố trí định mức hỗ trợ như sau:

Thù lao theo thực tế phát sinh tính trên bảng chi trả thù lao cho lãnh đạo Hội và hợp đồng tại thời điểm ban hành định mức. Đối với Hội có số người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách thì hỗ trợ thù lao theo quy định tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ đặc thù đối với lãnh đạo chuyên trách các hội đặc thù trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Hỗ trợ chi HĐTX: Bằng định mức phân bổ khoán chi HĐTX của biên chế thấp nhất/01 người và không vượt số lượng hợp đồng lao động quy định trên.

b) Đối với Hội đặc thù không có định suất hợp đồng lao động:

Hỗ trợ thù lao cho người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND nhưng không quá 03 người/hội.

Hỗ trợ thêm 02 hợp đồng lao động với mức thù lao tương đương lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ và các khoản đóng góp do nhà nước quy định.

Hỗ trợ chi hoạt động bằng 80% định mức phân bổ khoán chi HĐTX của biên chế thấp nhất/01 người.

Ngoài ra, một số Hội được hỗ trợ thêm kinh phí tùy theo nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

### 3. Phân bổ đối với các cơ quan Đảng

a) Quỹ lương: Xác định trên số biên chế cấp thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: quỹ lương của số biên chế có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ; quỹ lương của số biên chế chưa có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo hệ số 2,34/01 biên chế và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định. Trường hợp trong năm có tăng số lượng biên chế có mặt so với đầu năm mà tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của số biên chế tăng thêm đó vượt quá mức lương đã phân bổ cho số biên chế khuyết tương ứng thì được ngân sách bố trí phần kinh phí chênh lệch tăng thêm.

b) Khoán định mức HĐTX: Bằng 1,4 lần mức chi HĐTX của cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội.

c) Phân bổ thêm định mức kinh phí các nội dung, như sau:

Phân bổ kinh phí chi mua sắm theo kế hoạch mua sắm của đơn vị, đảm bảo tài sản, trang thiết bị mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức quy định. Kinh phí mua sắm được bố trí từ kinh phí khoán HĐTX là 15 triệu đồng/01 kế hoạch mua sắm/01 năm.

Phân bổ định mức sửa chữa xe ô tô: Đối với xe chức danh: 30 triệu đồng/01 xe/01 chức danh/năm; Đối với xe phục vụ công tác (xe chuyên dùng và xe phục vụ công tác chung): 30 triệu đồng/01 xe/01 cơ quan/năm; 45 triệu đồng/02 xe/01 cơ quan/năm; 60 triệu đồng/03 xe/01 cơ quan/năm; 75 triệu đồng/04 xe trở lên/01 cơ quan/năm.

d) Định mức trên chưa bao gồm: Chi hoạt động của cấp ủy; nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao; nhiệm vụ đặc thù của cơ quan đảng.

### 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

a) Sự nghiệp giáo dục



Quỹ lương: Xác định trên số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định của biên chế có mặt, đối với biên chế chưa có mặt tính bằng hệ số 2,34/01 biên chế và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định.

HĐTX đối với các Trường trung học phổ thông có nguồn thu giá học phí: đảm bảo chiếm tỷ lệ 19% (chưa kể nguồn thu học phí) đối với chi HĐTX được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định, quỹ lương chiếm tỷ lệ 81%.

HĐTX đối với các Trường trung học phổ thông và Trường Khuyết tật không có nguồn thu giá học phí: HĐTX đảm bảo chiếm tỷ lệ 25% được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định), quỹ lương chiếm tỷ lệ 75%.

#### b) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Quỹ lương: Xác định trên số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: Lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định của biên chế có mặt, đối với biên chế chưa có mặt tính bằng hệ số 2,34/01 biên chế và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định.

HĐTX đối với các Trường đào tạo và dạy nghề không có nguồn thu: đảm bảo chiếm tỷ lệ 25% được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định), quỹ lương chiếm tỷ lệ 75%.

HĐTX đối với các Trường đào tạo và dạy nghề có nguồn thu giá học phí: trên cơ sở HĐTX đảm bảo chiếm tỷ lệ 25% được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định), quỹ lương chiếm tỷ lệ 75%, tùy theo quy mô tính chất về tự chủ và nguồn thu của đơn vị, khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN theo quy định cơ chế tự chủ tài chính tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

c) Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của lĩnh vực giáo dục và đào tạo (được cấp có thẩm quyền giao), định mức được tính như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Đối với các cơ sở đào tạo có thu giá học phí khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN theo quy mô về nguồn thu.



Định mức phân bổ trên chưa bao gồm: Nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm; các chế độ, chính sách: Về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính; miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

##### a) Khối dự phòng và các trạm y tế xã, phường, thị trấn

Quỹ lương: Xác định trên số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: Lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định của biên chế có mặt, đối với biên chế chưa có mặt tính bằng hệ số 2,34/01 biên chế và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định.

HĐTX đối với các đơn vị không có nguồn thu: đảm bảo chiếm tỷ lệ 25% được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định), quỹ lương chiếm tỷ lệ 75%.

HĐTX đối với các đơn vị có nguồn thu: Trên cơ sở HĐTX đảm bảo chiếm tỷ lệ 25% được cơ cấu trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương theo quy định (quỹ lương dùng để tính tỷ lệ chỉ tính trên các khoản có đóng BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn bắt buộc do Nhà nước quy định), quỹ lương chiếm tỷ lệ 75%, tùy theo quy mô tính chất về tự chủ và nguồn thu của đơn vị, khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN theo quy định cơ chế tự chủ tài chính tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Khối dự phòng phân bổ đảm bảo đạt tối thiểu 30% trên tổng kinh phí theo định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế.

##### b) Khối khám, chữa bệnh

Giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định hiện hành đã kết cấu đủ chi phí gồm quỹ lương và hoạt động chi thường xuyên. Trường hợp các cơ sở khám chữa bệnh thu không đủ bù chi quỹ lương và hoạt động chi thường xuyên sẽ được xem xét, bố trí hàng năm theo quy định cơ chế tự chủ tài chính tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

c) Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của lĩnh vực y tế (được cấp có thẩm quyền giao), định mức phân



bổ được tính như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Đối với các đơn vị có thu dịch vụ khám chữa bệnh khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN theo quy mô về nguồn thu.

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm: Nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ đặc thù do cấp thẩm quyền giao hàng năm.

Ngoài định mức phân bổ trên, còn được phân bổ kinh phí để mua thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách hỗ trợ theo quy định (trừ đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật được phân bổ cho ngân sách huyện theo phân cấp).

6. Định mức phân bổ chi lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ; sự nghiệp môi trường

Phân bổ kinh phí bao gồm tỉnh, huyện, xã không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao.

Các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Định mức phân bổ chi thường xuyên (Quỹ lương, HĐTX, hợp đồng lao động) vận dụng nguyên tắc phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN đối với loại hình đơn vị sự nghiệp công có thu.

Bố trí kinh phí theo nhiệm vụ đột xuất, đặc thù do cấp có thẩm quyền giao.

7. Định mức phân bổ chi các lĩnh vực sự nghiệp khác (sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp phát thanh truyền hình; sự nghiệp thể dục thể thao; sự nghiệp đảm bảo xã hội)

Các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Định mức phân bổ chi thường xuyên (Quỹ lương, HĐTX, hợp đồng lao động) vận dụng nguyên tắc phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Khi giao dự toán có tính toán giảm trừ nguồn NSNN đối với loại hình đơn vị sự nghiệp công có thu.

Bố trí kinh phí theo nhiệm vụ đột xuất, đặc thù, các chính sách an sinh xã hội theo quy định của Trung ương và địa phương.

Đối với các ngành có hợp đồng lao động đặc thù (lực lượng bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, công tác quản trang, lao động đặc thù khác...) được bố trí theo thực tế phát sinh hàng năm.

8. Chi an ninh, quốc phòng

Căn cứ vào nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách nhiệm vụ đặc thù được phân bổ hàng năm theo quy định.

**Điều 6. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho ngân sách cấp huyện**



1. Chi Quản lý hành chính nhà nước, đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và các Hội đặc thù

a) Cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội

Định mức chi quản lý hành chính phân bổ theo số biên chế và số chỉ tiêu hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm để xác định quỹ lương và khoán chi HĐTX. Cụ thể:

Quỹ lương: Xác định trên số biên chế cấp thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: quỹ lương của số biên chế có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ; quỹ lương của số biên chế chưa có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo hệ số 2,34/01 biên chế, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

HĐTX: 32 triệu đồng/biên chế/năm.

Hỗ trợ cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ và các khoản đóng góp do nhà nước quy định. Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động của 01 hợp đồng lao động theo mức bằng 70% mức HĐTX của 01 (một) biên chế.

Huyện biên giới được phân bổ thêm: 330 triệu đồng/huyện biên giới/năm; nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 huyện nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa có giá trị dưới 05 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc trang thiết bị, công cụ,... Ngoài ra, phân bổ thêm như sau:

Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định: 770 triệu đồng/huyện/năm.

Nghiệp vụ đặc thù: 990 triệu đồng/huyện/năm.

b) Cơ quan Đảng

Định mức phân bổ theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm để xác định quỹ lương và khoán chi HĐTX. Cụ thể:

Quỹ lương: Xác định trên số biên chế cấp thẩm quyền giao với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, bao gồm: quỹ lương của số biên chế có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ; quỹ lương của số biên chế chưa có mặt được xác định trên cơ sở mức lương theo hệ số 2,34/01 biên chế, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

HĐTX: 38 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa có giá trị dưới 05 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc trang thiết bị, công cụ,... Ngoài ra phân bổ thêm như sau:

Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định: 200 triệu đồng/huyện/năm.

Nghịệp vụ đặc thù: 660 triệu đồng/huyện/năm.

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao (ngoài nhiệm vụ chi HĐTX được giao tự chủ): 130 triệu đồng/huyện/năm.

#### c) Hội đặc thù

Hội đặc thù có định suất lao động: Hỗ trợ thù lao, các khoản đóng góp theo quy định; hỗ trợ HĐTX mức 30 triệu đồng/định suất/năm.

Hội đặc thù không giao định suất hợp đồng: Hỗ trợ thù lao theo quy định hiện hành và hỗ trợ chi hoạt động bằng 10% tổng chi thù lao. Riêng Hội người mù hỗ trợ thêm kinh phí cho 01 hợp đồng lao động là người sáng mắt với mức thù lao tương đương lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ và các khoản đóng góp do nhà nước quy định.

### 2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

#### a) Sự nghiệp giáo dục

Phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ tiền lương của biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Chi HĐTX cho hoạt động giảng dạy và học tập phân bổ đảm bảo tỷ lệ 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục; tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 81% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí).

Phân bổ hỗ trợ thêm 60% mức chi hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP theo mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ và các khoản đóng góp do nhà nước quy định (số lượng hợp đồng theo số chỉ tiêu hợp đồng lao động được cơ quan có thẩm quyền giao).

Căn cứ tình hình, điều kiện về nguồn thu học phí, mức kinh phí được phân bổ, các yêu cầu, nhiệm vụ phục vụ công tác giảng dạy và học tập thực tế, nhiệm vụ có tính chất đặc thù,..., Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục cho phù hợp.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp huyện được thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách cho hoạt động giảng dạy và học tập nhưng không thấp hơn mức phân bổ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách: chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo chính sách Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.



### b) Sự nghiệp đào tạo

Phân bổ đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ tiền lương của biên chế theo cấp có thẩm quyền giao. Chi HĐTX 31 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa có giá trị dưới 05 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc trang thiết bị, công cụ,...

Phân bổ thêm mức: 870 triệu đồng/năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chính trị theo nhiệm vụ được giao hàng năm.

### 3. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin

Phân bổ theo tiêu chí như sau: Huyện có số dân từ 120.000 người trở lên: 9.900 đồng/người dân/năm; Huyện có số dân dưới 120.000 người: 1.100 triệu đồng/huyện/năm.

Phân bổ hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Nhà Thiếu nhi huyện Tân Biên là 310 triệu đồng/năm.

### 4. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền thanh

Phân bổ theo tiêu chí như sau:

Huyện có số dân từ 120.000 người trở lên: 6.600 đồng/người dân/năm.

Huyện có số dân dưới 120.000 người: 770 triệu đồng/huyện/năm.

### 5. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao

Phân bổ theo tiêu chí như sau:

Huyện có số dân từ 120.000 người trở lên: 5.780 đồng/người dân/năm.

Huyện có số dân dưới 120.000 người: 610 triệu đồng/huyện/năm.

### 6. Chi sự nghiệp y tế

Phân bổ kinh phí mua Bảo hiểm y tế theo chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

### 7. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Phân bổ theo tiêu chí dân số để thực hiện thăm hỏi, cứu tế thường xuyên hoặc đột xuất như: Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; đám tang, thăm bệnh, thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết; công tác quản lý nghĩa trang;... , như sau: 4.500 đồng/người dân/năm.

Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo chính sách do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

### 8. Chi quốc phòng - an ninh

a) Phân bổ đảm bảo các chế độ, chính sách, phụ cấp, trợ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành.

b) Phân bổ kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định, định mức phân bổ như sau:

An ninh: 750 triệu đồng/huyện/năm.

Quốc phòng: 2.100 triệu đồng/huyện/năm.

c) Phân bổ thêm cho huyện biên giới mức kinh phí: 230 triệu đồng/huyện biên giới/năm, nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 huyện nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

#### 9. Chi sự nghiệp kinh tế

a) Phân bổ theo mức bằng 4% chi thường xuyên các lĩnh vực chi từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 6.

b) Phân bổ theo nhiệm vụ:

Phân bổ theo loại đô thị: 24.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 17.000 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại V/năm.

Hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa được xác định bằng 75% mức phân bổ hỗ trợ của Trung ương cho địa phương.

Thị xã Trảng Bàng và các huyện: Gò Dầu, Bến Cầu được phân bổ hỗ trợ thêm kinh phí tiền điện và bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường Xuyên Á ngoài khu vực thị trấn, mức 1.150 triệu đồng/huyện.

#### 10. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Phân bổ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, mức phân bổ cho từng huyện theo nhiệm vụ được giao cụ thể hàng năm trong phạm vi tổng mức phân bổ do Bộ Tài chính giao.

#### 11. Chi sự nghiệp Môi trường

Phân bổ theo nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách của cấp tỉnh và huyện.

#### 12. Chi khác ngân sách

Phân bổ theo mức bằng 0,5% chi thường xuyên các lĩnh vực chi từ khoản 1 đến khoản 11, Điều 6.

Huyện biên giới còn được phân bổ thêm mức kinh phí: 130 triệu đồng/huyện biên giới/năm; nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 huyện nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

### **Điều 7. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã**

#### 1. Chi quản lý hành chính

a) Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định của cán bộ chuyên trách, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã, ấp, khu phố; phụ cấp đại biểu HĐND; phụ cấp cấp uỷ; phụ cấp đội công tác xã hội tình nguyện; chế độ thù lao cộng tác viên, thù lao hội đặc thù...



b) Định mức phân bổ chi hoạt động: 770 triệu đồng/xã/năm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao định mức khoán chi HĐTX của Ủy ban nhân dân xã năm 2022 tối đa không quá 400 triệu đồng/xã/năm (không bao gồm kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân xã) và được áp dụng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025. Các năm sau trong giai đoạn, căn cứ dự toán chi ngân sách thường xuyên được Hội đồng nhân dân huyện phân bổ, khả năng nguồn thu cân đối ngân sách, yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân xã được trình Hội đồng nhân dân xã quyết định điều chỉnh mức khoán chi HĐTX đảm bảo mức tăng thêm tối đa không quá 10% mức khoán chi năm trước.

Đối với kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ chi hoạt động còn lại (nhiệm vụ không giao tự chủ), căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã quyết định mức phân bổ hằng năm trong giai đoạn cho phù hợp.

c) Phân bổ thêm chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc với mức 70 triệu đồng/xã/năm.

d) Xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 70 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 xã nước bạn trở lên được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

Định mức trên đã bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi: Hoạt động Ban Thanh tra nhân dân; hoạt động của Chi đảng bộ cơ sở; hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng; hoạt động của Hội đồng nhân dân xã; mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị dưới 05 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc trang thiết bị, công cụ,...

## 2. Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin, truyền thanh

### a) Phân bổ theo tiêu chí

Xã có dân số dưới 10.000 người: 20 triệu đồng/xã/năm.

Xã có dân số từ 10.000 đến dưới 15.000 người: 25 triệu đồng/xã/năm.

Xã có dân số từ 15.000 đến dưới 20.000 người: 28 triệu đồng/xã/năm.

Xã có dân số từ 20.000 người trở lên: 33 triệu đồng/xã/năm.

### b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

Chi hỗ trợ chính sách cho người quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao và kinh phí duy trì, tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng; Nhà văn hóa ấp, liên ấp, dân tộc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Chi hỗ trợ thù lao cho cộng tác viên theo chế độ do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

### 3. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao

Phân bổ theo tiêu chí như sau:

- a) Xã có dân số dưới 10.000 người: 13 triệu đồng/xã/năm.
- b) Xã có dân số từ 10.000 đến dưới 15.000 người: 17 triệu đồng/xã/năm.
- c) Xã có dân số từ 15.000 đến dưới 20.000 người: 21 triệu đồng/xã/năm.
- d) Xã có dân số từ 20.000 người trở lên: 27 triệu đồng/xã/năm.

### 4. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

a) Phân bổ theo tiêu chí dân số với mức: 7.000 đồng/người dân/năm để thực hiện thăm hỏi, cứu tế thường xuyên hoặc đột xuất như: chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; đám tang, thăm bệnh, thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết; công tác quản lý nghĩa trang;...

b) Trường hợp phân bổ theo tiêu chí dân số nêu trên, nếu xã có mức chi thấp hơn 26 triệu đồng/ xã thì được bổ sung đảm bảo không thấp hơn 26 triệu đồng/xã.

### 5. Chi quốc phòng - an ninh

a) Phân bổ đảm bảo các chế độ, chính sách, phụ cấp, trợ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành cho các lực lượng quốc phòng, an ninh.

b) Phân bổ kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định, định mức như sau:

Quốc phòng: 170 triệu đồng/xã/năm.

An ninh: 30 triệu đồng/xã/năm.

c) Các xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 70 triệu đồng/xã biên giới/năm. Nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

### 6. Chi sự nghiệp kinh tế

Phân bổ theo mức bằng 5% tổng chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 5, Điều 7.

### 7. Sự nghiệp môi trường

Phân bổ giao cho ngân sách xã theo nhiệm vụ, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của các cấp.

### 8. Chi khác ngân sách

a) Phân bổ theo mức bằng 0,5% tổng chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 7, Điều 7.

b) Đối với xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 70 triệu đồng/xã biên giới/ năm. Nếu tiếp giáp với 02 hoặc 03 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

**Điều 8. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh**



Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu của ngân sách nhà nước, tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho các huyện so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Phương án xử lý trong trường hợp có phát sinh từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách huyện tăng thu lớn (trên 30% dự toán số thu từ sản xuất kinh doanh thường xuyên trên địa bàn năm 2022).

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp, tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

*Nơi nhận:*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Báo Tây Ninh;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Tâm**